

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 36 /2023/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TTLT-BTNMT-BNV ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2975/TTr-STNMT ngày 20 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Đối với trường hợp thu hồi, sử dụng khoáng sản đi kèm; thu hồi cát, sỏi từ các dự án nạo vét khơi thông luồng lạch; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư, được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định hồ sơ, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về khoáng sản hiện hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Lập kế hoạch, thông báo khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, xét chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện theo Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.”

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn xét chọn hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản để thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP đã được

sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại khoản 9 và khoản 33 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.”

4. Bổ sung Điều 9a, Điều 9b vào sau Điều 9 như sau:

“Điều 9a. Lập Dự án đầu tư khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản (*trừ trường hợp khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản*), phải có Dự án đầu tư khai thác khoáng sản được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Nội dung dự án được lập theo hướng dẫn tại Thông tư quy định về nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản của Bộ Công Thương và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phải phù hợp với các quy hoạch sau:

a) Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản chung cả nước.

b) Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước.

c) Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của tỉnh.

4. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp.

5. Phải đảm bảo điều kiện được quy định tại Khoản 2, Điều 9 quy định này.

6. Đối với các dự án khai thác khoáng sản có tổng vốn đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng thì chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình mỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

7. Dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình khai thác khoáng sản phải được thẩm định trước khi quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan.

Điều 9b. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Việc tổ chức thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 quy định về phương pháp

tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và Điều 5 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023.”

6. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 11 như sau:

“4. Cấp phép thăm dò, khai thác cát sỏi lòng sông theo quy định tại khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 54 Luật Khoáng sản và Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“**Điều 14.** Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục đề nghị cấp, gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; trả lại giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích thăm dò, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 51, Điều 52, Điều 55, Điều 58, Điều 60, Điều 61, Điều 64, Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016, Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Thành phần hồ sơ và trình tự thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 45 và Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016, Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023; Điều 7 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT và Bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, công bố theo quy định.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản sau khi đã hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo phục hồi môi trường thì lập hồ sơ hoàn thành Phương án hoặc Phương án bổ sung và đề nghị cơ quan có thẩm quyền để được kiểm tra, xác nhận theo quy định làm cơ sở để Quỹ Bảo vệ môi trường hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. Việc xác nhận hoàn thành Phương án và Phương án bổ sung quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 như sau:

“3. Chi tiết việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 7 Điều 24 như sau:

a) *Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:*

“4. Lập phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của địa phương theo quy định; kịp thời phát hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ

Tài nguyên và Môi trường khi phát hiện có thông tin khoáng sản mới; thẩm định hồ sơ công nhận chỉ tiêu trữ lượng khoáng sản; hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ thu hồi, sử dụng khoáng sản đi kèm; thu hồi cát, sỏi từ các dự án nạo vét khơi thông luồng lạch; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về khoáng sản hiện hành.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 25 như sau:

“4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm khai thác khoáng sản theo dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt; chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác mỏ. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ khoanh định vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất cát nhân tạo trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan trong việc kiểm tra, giám sát cao độ sau khai thác tại các mỏ khoáng sản có quyết định đóng cửa mỏ để bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định; tham gia ý kiến trong việc điều chỉnh phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh.”

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 Điều 27 như sau:

“c) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xác định quy mô, phạm vi, ranh giới bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý; tăng cường công tác kiểm tra các dự án nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng việc nạo vét để khai thác cát, sỏi trái phép, thi công không đúng chuẩn tắc thiết kế và tiến độ thực hiện dự án được duyệt thuộc thẩm quyền, trách nhiệm.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tích hợp phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản vào quy hoạch tỉnh, đồng thời phối hợp với các Sở ngành tham mưu đề xuất tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng để đảm bảo điều kiện triển khai thực hiện theo quy định của Luật quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án tổ chức thẩm định dự án đầu tư về khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản và pháp luật liên quan khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

c) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 27 như sau:

“6. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ phương án giá tính thuế tài nguyên trước khi cơ quan, đơn vị được phân công xây dựng phương án giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật hiện hành trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh; kinh phí hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ngành liên quan lập kế hoạch dự trữ kinh phí hằng năm đảm bảo cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo phân cấp ngân sách.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 27 như sau:

“11. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh có trách nhiệm: Kiểm tra, giám sát, thẩm định, cho ý kiến đối với hoạt động khoáng sản có liên quan đến an ninh, quốc phòng; phối hợp kiểm tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp khai thác, vận chuyển, xuất, nhập khẩu khoáng sản trái phép và hoạt động sử dụng vật liệu nổ để khai thác khoáng sản trên khu vực biên giới biển của tỉnh theo quy định pháp luật.”

đ) Bổ sung khoản 14 và 15 vào sau khoản 13 Điều 27 như sau:

“14. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tổ chức thẩm định công nghệ; kiểm tra, giám sát công nghệ và chuyển giao công nghệ các dự án hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản;

b) Quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ; tổ chức thẩm định, có ý kiến về công nghệ các dự án hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; Tạo điều kiện cho các dự án hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền;

c) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về an toàn bức xạ.

15. Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vận chuyển, kinh doanh khoáng sản trái pháp luật theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với lực lượng cảnh sát trong kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển, kinh doanh khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Quy định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản được thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, phổ biến và hướng dẫn triển khai thực hiện quy định này trên địa bàn tỉnh; niêm yết công khai quy trình, thủ tục hồ sơ giấy phép hoạt động khoáng sản tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các Sở, ban, ngành, địa phương có văn bản phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT Hào

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền